

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 327/TTr-STC ngày 14 tháng 04 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phục lục
Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
I	Cấp tỉnh					
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Lập Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc cơ quan	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	hợp đã có chữ ký số	đơn vị được phân cấp	- Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi					
3.1	Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thu hồi	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.2	Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức điều chuyển					
3.2.1	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý hoặc từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác	nhận đủ hồ sơ	trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.	hoặc cơ quan được phân cấp	sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.2.2	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có tài sản điều chuyển.	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.3	Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức chuyển	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	giao về địa phương quản lý, xử lý		Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	trường hợp đã có chữ ký số.		- Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.4	Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thanh lý					
3.4.1	Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.4.2	Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức điều chuyển vật liệu, vật tư thu	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
	hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng		công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	ký số		08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
3.5	Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
II	Cấp xã					
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng	- Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Quyết định số 872/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ Tài chính về việc

STT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC	Địa điểm tiếp nhận	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết	Căn cứ pháp lý
			- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.		phòng chuyên môn cấp xã phê duyệt dự án cấp xã quản lý.	công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

PHẦN II: NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: “Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi”

1.1. Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

a2) Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi ở trung ương về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể doanh nghiệp quản lý tài sản và hình thức giao tài sản): Bản chính;

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản; các cơ quan có liên quan khác (nếu cần): Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): Bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 8 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

1.2 Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của UBND cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản (nếu có).

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): Bản chính;

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao quản lý tài sản; ý kiến của các cơ quan khác (nếu cần): Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): Bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của UBND cấp tỉnh.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

1.3 Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã.

a2) UBND cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã về việc đề nghị giao tài sản (trong đó xác định cụ thể đối tượng được giao và hình thức giao tài sản): Bản chính;

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản, hình thức giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh (nếu cần); cơ quan, đơn vị quản lý

tài sản cấp xã dự kiến được giao quản lý tài sản; ý kiến của các cơ quan khác (nếu cần): Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): Bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 10 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

2. Thủ tục: Lập Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản: Bản sao;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 03A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): Bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): Bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đơn vị được phân cấp.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Đề án theo Mẫu số 03A tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 10, Điều 11 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3. Thủ tục: Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

3.1. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thu hồi

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản có tài sản thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 23 lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (trong đó: xác định cụ thể việc thu hồi tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này): Bản chính;

- Văn bản về việc đề nghị thu hồi tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, văn bản của đại diện chủ sở hữu tài sản

của doanh nghiệp quản lý tài sản (sau đây gọi là cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị): Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bản d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 6 Điều 23 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.2. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức điều chuyển

3.2.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý hoặc từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sang bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể việc điều chuyển tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: Bản sao;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương): Bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với trường hợp điều chuyển tài sản sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp điều chuyển tài sản sang địa phương khác): Bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.2.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ Bộ, cơ quan khác ở trung ương sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý tài sản thuộc Bộ, 9 cơ quan trung ương lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển.

a2) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có tài sản điều chuyển.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị điều chuyển tài sản: Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý tài sản (nếu có): Bản sao;

- Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: Bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định. **đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có tài sản điều chuyển.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của cơ quan trung ương

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.3. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (nếu có): Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): Bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.4. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức thanh lý

3.4.1. Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể việc thanh lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản: Bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được thanh lý, xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không. 1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.4.2. Đối với việc thanh lý tài sản theo hình thức điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác để quản lý, sử dụng

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản (có tài sản thanh lý) và đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: 01 bản sao;

- Danh mục vật liệu, vật tư đề nghị điều chuyển (tên, chủng loại, số lượng, tình trạng; mục đích sử dụng dự kiến sau khi nhận điều chuyển): 01 bản chính;

- Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được thanh lý, xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển vật liệu, vật tư thu hồi.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3.5. Trường hợp xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a. Trình tự thực hiện:

a1) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại): Bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: Bản sao;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: Bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: Bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): Bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 74/2026/NĐ-CP và kèm theo Phụ lục này.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Khoản 2, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP./.